

**Phụ lục III  
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CURRICULUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**  
-----

*Tp.HCM, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

*Ho Chi Minh City, June 20<sup>th</sup>, 2022*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **NGUYỄN HOÀNG GIANG**

2/ Giới tính/Sex: **Nam**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **12/6/1986**

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Hải Dương**

5/ Số CCCD / ID card No.:

Ngày cấp/Date of issue:

Nơi cấp/Place of issue:

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAHI**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **thành viên Hội đồng Quản trị**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;

- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS);
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG);
- Thành viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SVC);

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0 share, accounting for 0% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần/0 share*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 cổ phần/0 share*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): không có/none*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Sit<br>No. | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>accounts (if<br>available) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position<br>at the<br>company (if<br>available) | Mối quan hệ<br>đối với công ty/<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with the<br>company/<br>internal person | Loại hình Giấy<br>NSH (*)                            | Số Giấy NSH<br>(*)/ NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue                                                 | Địa chỉ<br>trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address<br>/ Head<br>office<br>address                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu<br>cuối kỳ<br>Number<br>of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>của công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi liên<br>quan đến<br>mục 13 và<br>14) Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác) Notes<br>(i.e. not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|-------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          |                               |                          |                                                                                                             |                                                                                       |                                                                                                            |                                                      | 8                           | 9                            | 10                                                                           | 11                                                                                                           | 12                                                                                                          | 13                                                                                                        | 14                                                                                                                                                              | 15                                                                                                                                                                         | 16                                                                                                                                                         | 17                                                                                                                                                   |
| 1          | YEG                           |                          |                                                                                                             |                                                                                       |                                                                                                            | Giấy ĐKKD<br>Business<br>Registration<br>Certificate | 0304592171                  | 12/09/2006                   | Sở KH-ĐT<br>TP HCM<br>Department<br>of planning<br>and<br>investment<br>HCMC | Số 191,<br>Nam Kỳ<br>Khởi<br>Nghĩa,<br>Phường<br>Võ Thị<br>Sau,<br>Quận 3,<br>Thành<br>phố Hồ<br>Chi<br>Minh | 0                                                                                                           | 0                                                                                                         | 15/06/2022                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                            | Bổ nhiệm<br>Appointed                                                                                                                                      |                                                                                                                                                      |
| 1          |                               | Vũ Mai<br>Lan            |                                                                                                             |                                                                                       | Me<br>Mother                                                                                               | CMND<br>ID Card                                      |                             |                              |                                                                              |                                                                                                              | 0                                                                                                           | 0                                                                                                         |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |
| 2          |                               | Nguyễn<br>Huyền<br>Trang |                                                                                                             |                                                                                       | Em<br>Sibling                                                                                              | CMND<br>ID Card                                      |                             |                              |                                                                              |                                                                                                              | 0                                                                                                           | 0                                                                                                         |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |
| 3          |                               | Đào<br>Việt<br>Nga       |                                                                                                             |                                                                                       | Vợ<br>Wife                                                                                                 | CMND<br>ID Card                                      |                             |                              |                                                                              |                                                                                                              | 0                                                                                                           | 0                                                                                                         |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |
| 4          |                               | Nguyễn<br>Đào Mỹ<br>Dung |                                                                                                             |                                                                                       | Con<br>Child                                                                                               |                                                      | Còn nhỏ                     |                              |                                                                              |                                                                                                              | 0                                                                                                           | 0                                                                                                         |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |
| 5          |                               | Nguyễn<br>Đào Mỹ<br>An   |                                                                                                             |                                                                                       | Con<br>Child                                                                                               |                                                      | Còn nhỏ                     |                              |                                                                              |                                                                                                              |                                                                                                             |                                                                                                           |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |
| 6          |                               | Nguyễn<br>Đào Mỹ<br>Anh  |                                                                                                             |                                                                                       | Con<br>Child                                                                                               |                                                      | Còn nhỏ                     |                              |                                                                              |                                                                                                              |                                                                                                             |                                                                                                           |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): không có/none

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): không có/none

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)



**NGUYỄN HOÀNG GIANG**